

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 227/2019/HC-PT

Ngày: 12/9/2019

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 382/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2018 về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính về quản lý đất đai” do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8374/2019/QĐ-TA ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện N, tỉnh A; ông T và bà H, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh A; địa chỉ: Thị trấn N, huyện N, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; ông L ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Q - Phó Chủ tịch UBND huyện N (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2019), ông Q có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh A. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc D-Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ủy quyền cho ông Vũ Văn T – Phó Chủ tịch UBND xã L (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2019); ông T có mặt.

- Bà Nguyễn Thị X; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện N, tỉnh A. Bà X ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ (theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2019), ông Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Lê Văn T và bà Lê Thị H thì năm 1990 ông bà có sử dụng diện tích đất khoảng 400m² tại Ùng Đầu, thôn C, xã L, huyện N, tỉnh A. Quá trình sử dụng đất, ông bà đã xin phép Ủy ban nhân dân (UBND) xã L xây dựng 01 móng nhà và kinh doanh trên đất. Đồng thời, để tiện kinh doanh ông bà đã đổi đất cho các hộ, cụ thể: Hộ ông Nguyễn Văn M 05 thước đất ruộng ở khu Lăng Chúa, hộ ông T 08 thước đất mông ở khu Đường Luông, hộ ông Đ 02 thước đất ruộng ở khu Lăng Chúa Chéo. Sau khi đổi đất, ông bà canh tác và nộp thuế đất cho chính quyền địa phương. Khi không canh tác, ông bà cho bà Đặng Thị H ở xóm C, xã L làm ruộng trên ruộng khẩu của gia đình, phần đất có móng nhà khi mở đường đã lấp một phần. Sau đó do ruộng bị ngập úng bà H đã trả ruộng lại cho ông bà tiếp tục canh tác.

Ngày 02/12/2014, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3624/QĐ-UBND về việc cho thuê đất đầu tư dự án sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã L cho chủ dự án bà Nguyễn Thị X đối với diện tích 800m² đất thời hạn thuê là 50 năm.

Ngày 03/9/2015, UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 650182 cho hộ bà Nguyễn Thị X đối với diện tích 800m² đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại thửa số 509, tờ bản đồ số 14, xã L, huyện N, tỉnh A.

Ông T có đơn khiếu nại về việc UBND huyện N lấy diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông T tại khu Ùng Đầu cho hộ bà Nguyễn Thị X thuê đất để thực hiện dự án nhưng gia đình ông không được biết. Ngày 26/7/2016, UBND huyện N ban hành Công văn số 566/UBND-TNMT trả lời khiếu nại của ông T với nội dung: Hộ ông Lê Văn T không có diện tích đất giao cơ bản tại khu vực Ùng Đầu. Vì vậy, nội dung đơn kiến nghị của ông Lê Văn T về việc UBND huyện thu hồi đất cơ bản của gia đình ông tại khu vực Ùng Đầu, thôn C, xã L là không có cơ sở pháp lý.

Ngày 05/01/2017, ông Lê Văn T và bà Lê Thị H có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh A yêu cầu hủy Quyết định cho thuê đất số 3624/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của UBND huyện N, Công văn số 566/UBND-TNMT ngày

26/7/2016 của UBND huyện N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 650182 ngày 03/9/2015 do UBND huyện N cấp cho hộ bà Nguyễn Thị X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh A đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị H.

Hủy Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của UBND huyện N về việc cho thuê đất đầu tư dự án sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã L, huyện N. Chủ dự án: Bà Nguyễn Thị X.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 650182 do UBND huyện N cấp cho hộ bà Nguyễn Thị X ngày 03/9/2015 đối với thửa đất số 509, tờ bản đồ số 14; địa chỉ: Xã L, huyện N, tỉnh A; diện tích 800m².

Hủy Công văn số 566/UBND-TNMT ngày 26/7/2016 về việc trả lời đơn thư công dân Lê Văn T, xã L của UBND huyện N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2018, bà Nguyễn Thị X là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ (bà Nguyễn Thị X ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị H.

Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quyết định cho thuê đất số 3624/QĐ-UBND ngày 02/12/2014, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số BV 650182 ngày 03/9/2015 do UBND huyện N cấp cho hộ bà Nguyễn Thị X; Công văn số 566/UBND-TNMT ngày 26/7/2016 của UBND huyện N là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Ngày 29/11/2016, ông Lê Văn T và bà Lê Thị H khởi kiện đề nghị hủy các quyết định hành chính trên, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 116 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Theo Trích lục bản đồ địa chính và Biên bản bàn giao diện tích đo đạc địa chính ngày 26/6/2003 của UBND xã L (có chữ ký của đại diện hộ gia đình là bà Lê Thị H) thì hộ ông T, bà H có sử dụng thửa đất số 121 diện tích 119m² tại khu vực Ùng Đầu và thửa 131 diện tích 445m² tại khu vực Trong Cống đều thuộc tờ bản đồ 14, thời hạn sử dụng đất đến tháng 6/2014.

[2.2]. Năm 2006, sau khi thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa trên địa bàn xã L, diện tích đất khu vực Ùng Đầu đã được chuyển về cho đơn vị thôn Phú Hoa xã L sử dụng (thuộc quỹ đất của UBND xã L quản lý). Từ năm 2006 đến năm 2007 ông V có đơn xin thầu chuyển đổi sang kinh doanh dịch vụ xăng dầu, song xét thấy không đủ điều kiện kinh doanh nên gia đình ông V không thầu nữa mà trả lại tập thể. Đến năm 2008 - 2009, đất ngập úng không cấy được nên UBND xã không giao được cho hộ nào. Từ năm 2009 đến 2012, UBND xã giao thầu cho hộ ông Lê Văn G, sổ ghi thu có xác nhận của trưởng thôn Phú Hoa thể hiện ông G đã đóng đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất nhận giao thầu này.

[2.3]. Sổ ghi thu của hộ gia đình ông Lê Văn T từ năm 2007 đến năm 2014 thể hiện các phần đất mà gia đình ông T thực hiện nghĩa vụ tài chính không có diện tích đất ở khu vực Ùng Đầu.

[2.4]. Theo Bản kê khai diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng đến 31/5/2013 của hộ ông Lê Văn T (do bà Lê Thị H đại diện kê khai) thể hiện hộ ông T đang sử dụng 160m² đất màu tại làng Sen, 326m² đất lúa tại đồng Soi và 4.000m² đất lúa tại đồng núi Đậu, không có diện tích tại khu vực Ùng Đầu mà gia đình ông T đang khiếu nại. Ông T cho rằng Bản kê khai nêu trên là do ông Trịnh Văn Q (là xóm trưởng) đã lừa dối gia đình ông ký vào tờ giấy khống chỉ, để rồi ông Q tự viết thêm diện tích 4.000m² đất cơ bản; nhưng ông T và bà H không có chứng cứ chứng minh là ông Q đã ghi thêm diện tích 4.000m² đất vào bản kê khai của hộ gia đình ông T. Ông Q khẳng định các hộ dân tự kê khai Bản kê khai diện tích đất nông nghiệp, ông Q không viết thêm diện tích 4.000m² đất như ý kiến của ông T và bà H.

[2.5]. Như vậy, căn cứ vào phân tích nêu trên có sơ sở xác định: Trước năm 2006 thì gia đình ông T có sử dụng đất tại khu vực Ùng Đầu. Sau năm

2006, thì diện tích trên không nằm trong danh sách giao đất cho hộ gia đình ông T, thực tế gia đình ông T cũng không sử dụng đất và không kê khai, mà diện tích đất tại khu vực Ùng Đầu đã được giao thầu cho hộ ông Lê Văn G từ năm 2009 đến 2012, gia đình ông T không có khiếu nại gì; đến năm 2014, được giao thầu cho bà Nguyễn Thị X. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị H đề nghị hủy Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của Ủy ban nhân dân huyện N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 650182 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho hộ bà Nguyễn Thị X ngày 03/9/2015; Công văn số 566/UBND-TNMT ngày 26/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện N. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh A.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho bà X 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003238 ngày 25/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A (ông Nguyễn Văn Đ nộp thay cho bà X). UBND huyện N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh A, cụ thể:

Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Lê Thị H về việc đề nghị hủy:

Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của UBND huyện N về việc cho thuê đất đầu tư dự án sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng tại xã L, huyện N. Chủ dự án: Bà Nguyễn Thị X;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 650182 do UBND huyện N cấp cho hộ bà Nguyễn Thị X ngày 03/9/2015 đối với thửa đất số 509, tờ bản đồ số 14; địa chỉ: Xã L, huyện N, tỉnh A; diện tích 800m²;

Công văn số 566/UBND-TNMT ngày 26/7/2016 về việc trả lời đơn thư công dân Lê Văn T, xã L của UBND huyện N.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Xuân 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003238 ngày 25/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A (ông Nguyễn Văn Đ nộp thay cho bà X). UBND huyện N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được đối trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003853 ngày 10/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A, ông T phải nộp tiếp số tiền 100.000 đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình